

**Bản án số:74/2019/HNGĐ-ST**

**Ngày: 04/9/2019**

**V/v: “Ly hôn”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Bích Ngọc**

**Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tĩnh**

**2. Ông Ngô Tiến Thành**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Như Hạnh - Kiểm sát viên**

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về yêu cầu “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/QĐHPT ngày 22/8/2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ông Võ Ngọc L – Sinh năm 1990**

**HKTT: TDP L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.**

**Địa chỉ tạm trú: Lô 63, LK 17 Đ, K, xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)**

**2. Bị đơn: Bà Dương Thị Q – Sinh năm 1989**

**HKTT: Ấp K54, xã L, huyện L, tỉnh B.**

**Địa chỉ tạm trú: Lô 63, LK 17 Đ, K, xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn ông Võ Ngọc L trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Ông và bà Dương Thị Q tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn mà không tìm được tiếng nói chung, bà Q thường xuyên quát nạt và có lời nói không tôn trọng ông. Vợ chồng đã ly thân hơn 1 năm nay, tuy sống chung một nhà nhưng mỗi người một phòng riêng, không ai quan tâm đến ai. Ông L không còn tình cảm với bà Q, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q.*

Về con chung: Ông và bà Q có 01 con chung là cháu Võ Việt N – sinh ngày 15/7/2017. Ông đồng ý giao cháu Võ Việt N cho bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Dương Thị Q trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Bà thống nhất với lời trình bày của ông L về thời gian kết hôn và con chung. Trong khoảng thời gian hơn 1 năm nay, đời sống vợ chồng có mâu thuẫn bắt nguồn từ sự bất đồng quan điểm sống giữ con dâu với mẹ chồng. Thời gian gần đây, do mới đi làm lại nên áp lực về công việc, tinh thần căng thẳng nên hay buồn phiền, cáu gắt với chồng nhưng đang trong thời gian giải quyết. Bà Q cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng, bà vẫn còn yêu thương chồng con và đang thay đổi để khắc phục, hoàn thiện bản thân nên bà không đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L 01 con chung là cháu Võ Việt N – sinh ngày 15/7/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu N vì cháu N còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và thu nhập hàng tháng của bà cũng đủ điều kiện để nuôi cháu, ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bà cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Võ Ngọc L được ly hôn với bà Dương Thị Q; về con chung: giao con chung là cháu Võ Việt N – sinh ngày 15/7/2017 cho bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện của ông L về việc cấp dưỡng nuôi cháu Nam mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí ông L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghe ý kiến trình bày của bị đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự xác định ông Võ Ngọc L và bà Dương Thị Q có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Theo trình bày của ông L và bà Q thì cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông L không còn tình cảm yêu thương bà Q, vợ chồng đang sống ly thân với nhau và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông L vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của ông L được ly hôn với bà Q.

Về con chung: Ông Võ Ngọc L và bà Dương Thị Q có 01 con chung là cháu Võ Việt N – sinh ngày 15/7/2017. Bà Q có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N và ông L cũng đồng ý giao cháu N cho bà Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận của ông L và bà Q là hoàn toàn tự nguyện và đảm bảo đầy đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung nên ghi nhận sự thỏa thuận của ông L và bà Q. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi và bà Q cũng đồng ý với mức cấp dưỡng mà ông L nêu ra. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án ông L và bà Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[2] Về án phí: Ông Võ Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;  
- Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Ông Võ Ngọc L được ly hôn với bà Dương Thị Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Việt N – sinh ngày 15/7/2017 cho bà Dương Thị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Ngọc L cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Võ Việt N mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), kể từ tháng 9/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Võ Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Quy định: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.*

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Võ Ngọc L phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0014646 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Võ Ngọc L còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THADS TP.Nha Trang;
- UBND phường C, TP C, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Đàm Thị Bích Ngọc**